

BÁO CÁO THU CHI TỔNG QUỸ NTCM THÁNG 11 NĂM 2022

Ngày	Tên ủng hộ	Diễn giải	Thu	Chi	TỔN
					332,966,958
01/11/2022	Vo Thi Tuong Vy	Quỹ NTCM	400,000		333,366,958
03/11/2022	Pham Thi My Hanh	Quỹ NTCM	500,000		333,866,958
03/11/2022	Maitan	Cô Nhi Viện Thánh An từ CT Khám Bệnh Miên Phi & Tết Thiêu Nhi 2020 Hải Hậu Nam Định		10,000,000	323,866,958
05/11/2022	Letuantu	Em Nhung bệnh Ung thư Khánh Hòa CMKTX		1,000,000	322,866,958
07/11/2022	Nguyen Thi Hong Loan	Quán cơm 2000	500,000		323,366,958
08/11/2022	Le Thu Huong	Không ghi rõ nội dung ủng hộ	1,000,000		324,366,958
09/11/2022	Ong Nguyen Dieu Hung	Quỹ NTCM	700,000		325,066,958
09/11/2022	Le Duc Anh	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	200,000		325,266,958
09/11/2022	Pham Thuy Hien	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	1,000,000		326,266,958
09/11/2022	Le Thuy Duong	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	200,000		326,466,958
10/11/2022	GD Tina Nguyen	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	1,000,000		327,466,958
10/11/2022	Hutruc	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	200,000		327,666,958
10/11/2022	Chi Bach Lien	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	200,000		327,866,958
10/11/2022	Nguyen Thi Kim Van	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	100,000		327,966,958
10/11/2022	Michele du & GD	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	500,000		328,466,958
10/11/2022	Hanh Duong	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	1,000,000		329,466,958
10/11/2022	Nhom Nguyen Viet Hoa	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	1,000,000		330,466,958
11/11/2022	Letuantu	Em Nhung bệnh Ung thư Khánh Hòa CMKTX		2,000,000	328,466,958
11/11/2022	Vankieusa	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh		5,400,000	323,066,958
12/11/2022	Tu Alny	MTTT Em Nhâm Can Lộc Hà Tĩnh	300,000		323,366,958
16/11/2022		Phí sao kê		55,000	323,311,958
19/11/2022		Lãi không kỳ hạn	127,434		323,439,392
21/11/2022	Em Nhung	Em Nhung bệnh Ung thư Khánh Hòa CMKTX		5,000,000	318,439,392
21/11/2022	Dao Binh Minh	Không ghi rõ nội dung ủng hộ	500,000		318,939,392
22/11/2022	Thino	Nồi cháo Hà Nội chuyển tiền CMKTX		4,000,000	314,939,392
22/11/2022	Lathuvang	Quán cơm 2000 chuyển tiền CMKTX		8,100,000	306,839,392
22/11/2022	Wendy Duong	Anh Thân A Lưới Huế CMKTX		365,000	306,474,392
22/11/2022	Wendy Duong	Bé Hồ Khánh Bằng A Lưới Huế CMKTX		500,000	305,974,392
22/11/2022	Letuantu	Chùa Pháp Tánh Long An nuôi trẻ mồ côi		1,797,800	304,176,592
23/11/2022	Danh Q11	Quán cơm 2000	500,000		304,676,592
25/11/2022	Nguyen Thuy Linh	Nồi cháo Hà Nội CMTX T11	400,000		305,076,592
26/11/2022		Lãi sổ tiết kiệm 0000416652546	212,329		305,288,921
28/11/2022	Chi Bach Lien	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		306,288,921
29/11/2022	GD Ben Ben	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		306,788,921
29/11/2022	Ha Chi	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		307,788,921
29/11/2022	Le Nhu Tung	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	200,000		307,988,921
29/11/2022	Whoadung & ban Thanh	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	5,000,000		312,988,921
29/11/2022	Michele du & GD	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	5,000,000		317,988,921
29/11/2022	Me Titom	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		318,488,921

Ngày	Tên ủng hộ	Diễn giải	Thu	Chi	TỔN
29/11/2022	Que Tra	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		319,488,921
29/11/2022	Doan Viet Quan	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	11,000		319,499,921
29/11/2022	Dung Phuong Le	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		319,999,921
29/11/2022	Nguyen Lan Huong	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	50,000		320,049,921
29/11/2022	Sunset Le	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		320,549,921
29/11/2022	Le Duc Anh	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	200,000		320,749,921
29/11/2022	Trinh Dac Chung	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	300,000		321,049,921
29/11/2022	Ho Trieu Vy	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	10,000		321,059,921
29/11/2022	Nguyen Thi Huong	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		321,559,921
29/11/2022	Chi Hoa Nguyen	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		322,059,921
29/11/2022	Trinh Minh Long	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	17,000		322,076,921
29/11/2022	Jerry & Jenny	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	2,000,000		324,076,921
30/11/2022	Ong Le Huu Nghien	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,111,111		325,188,032
30/11/2022	Em trai a ThaiDzuy	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		326,188,032
30/11/2022	Van Nguyen	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		326,688,032
30/11/2022	Huong Nguyen Vinhome	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	2,000,000		328,688,032
30/11/2022	Nguyen Thi Tham	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	2,000,000		330,688,032
30/11/2022	Chi ban cua Dale	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		331,688,032
30/11/2022	Luong Thi Tu Uyen	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	25,000		331,713,032
30/11/2022	Thuy Tran	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	2,000,000		333,713,032
30/11/2022	GD Nhimcon	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		334,213,032
30/11/2022	Sentrang	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		335,213,032
30/11/2022	Duc Phuong	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		336,213,032
30/11/2022	Quyên Ngo	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		336,713,032
30/11/2022	Nguyen Huy Binh	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		337,713,032
30/11/2022	GD An Bang	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		338,713,032
30/11/2022	Anh Hai	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		339,213,032
30/11/2022	Nguyen Viet Hoa &	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	2,000,000		341,213,032
30/11/2022	Chi em nha Sahara	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	1,000,000		342,213,032
30/11/2022	Chi Yen	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	10,000,102		352,213,134
30/11/2022	Tu Alny	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	500,000		352,713,134
30/11/2022	Do Thi Hien Hoa	NNMU số 42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak	100,000		352,813,134
TỔNG PHÁT SINH/TỔN CUỐI			58,063,976	38,217,800	352,813,134

TỔNG TỒN QUỸ THEO TÀI KHOẢN THÁNG 11 NĂM 2022

Tồn quỹ tài khoản chi tiêu - MB bank	352,813,134
Tồn quỹ tài khoản chờ đóng - VCB	50,000
TK tiết kiệm số 0002112642467	300,000,000
TK tiết kiệm số 0000945705202	50,000,000
TK tiết kiệm số 0001474458383	100,000,000
TK tiết kiệm số 0000416652546	50,000,000
Tổng quỹ tồn cuối tháng 11/2022	852,863,134